

Bản án số: 363/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Công Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Công; Ông Đàm Kiến Dân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐXXST-HNGD, ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Bá T, sinh năm 1967; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1970; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Lê Bá T trình bày:* Qua mai mối, ông và bà Lê Thị L về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Hoàng L, sinh ngày 06/9/1992, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Lê Thị L trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian sống chung, không có đăng ký kết hôn

và nguyên nhân mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà đồng ý yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Hoàng L, sinh ngày 06/9/1992, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

**Tại phiên tòa:**

Ông Lê Bá T và bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Bá T khởi kiện xin ly hôn bà Lê Thị L có nơi cư trú Ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà L và ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã Long Chánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang nơi ông T và bà L cư trú xác nhận ông, bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Từ năm 2003 đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông T và bà L vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là không có căn cứ để chấp nhận. Việc ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay mà không đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, mà không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L, theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống ông T và bà L có một người con chung tên Lê Hoàng L, sinh ngày 06/9/1992, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Ông T và bà L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê Bá T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Bá T và bà Lê Thị L là vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Bá T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 43985 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, ông T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Công Triều**